TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2018.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**
2. Bà **Lương Thị Kim Vân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Thiệu Minh T**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp 2, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Võ Duy Thùy Q**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp 2, xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp B M A, xã B T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn anh Thiệu Minh T trình bày: Anh và chị Q chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm nhau, đến năm 2017 thì chị Q bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thiệu Minh Đ, sinh ngày 12/4/2016 và hiện đang sống với chị Q. Khi ly hôn, anh T đồng ý để cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Võ Duy Thùy Q trình bày: Chị thống nhất với nội dung trình bày của anh Thiệu Minh T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Tuy nhiên, hiện nay chị vẫn còn tình cảm với T nên chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thiệu Minh Đ, sinh ngày 12/4/2016, hiện đang sống với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh T (photo);
- Giấy khai sinh bản sao tên Thiệu Minh Đ (photo có chứng thực);
- Giấy chứng nhận kết hôn (photo có chứng thực);

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp.

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Chị Q không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của anh Thiệu Minh T về việc yêu cầu được ly hôn với chị Võ Duy Thùy Q nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con"*.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã B T, huyện C L, nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2018 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Dương Tấn Lợi và bà Võ Thị Điệp; Hội thẩm nhân dân dự khuyết là ông Phạm Phước Tâm, bà Hồ Thị Mai Hương và ông Trần Văn Bé Hai. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Lợi, bà Điệp, bà Hương và ông Bé Hai bận đi công tác nên thay thế ông Lợi, bà Điệp, bà Hương và ông Bé Hai là bà Lương Thị Kim Vân. Các đương sự thống nhất việc thay đổi này và không yêu cầu thay đổi ai trong những người tiến hành tố tụng. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Về hôn nhân, anh T và anh Q đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M L, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp nên hôn nhân giữa anh T và chị Q là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm nhau, đến năm 2017 thì chị Q bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Q là có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa, chị Q thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, hiện nay cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không còn quan tâm lẫn nhau và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tuy nhiên, chị Q cho rằng hiện nay chị vẫn còn thương anh T nên không đồng ý ly hôn nhưng chị Q không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh T cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với chị Q. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên việc anh T yêu cầu được ly hôn với chị Q là phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung: Anh T và chị Q xác định có 01 con chung tên Thiệu Minh Đ, sinh ngày 12/4/2016 và hiện đang sống với chị Q. Khi ly hôn anh T đồng ý để cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung (cháu Đ), anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đồng thời, chị Q cũng yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự (anh T và chị Q) nên chấp nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị Q thống nhất không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 04583 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L, tỉnh Đồng Tháp. Anh T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Thiệu Minh T.

- Về hôn nhân: Anh Thiệu Minh T được ly hôn với chị Võ Duy Thùy Q.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa anh Thiệu Minh T và chị Võ Duy Thùy Q.

+ Chị Võ Duy Thùy Q được tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thiệu Minh Đ, sinh ngày 12/4/2016. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1/2 tháng lương cơ sở tại từng thời điểm, thời điểm cấp dưỡng được tính từ tháng 6 năm 2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Thiệu Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Thiệu Minh T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 04583 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L, tỉnh Đồng Tháp. Anh T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy

định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã M L;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Hữu Chinh